

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HSST

Ngày: 09-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Danh

Ông Vũ Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện tỉnh L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/HSST-QĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐHPT-HSST ngày 08/11/2017, Thông báo về việc mở lại phiên tòa sơ thẩm số 01/2017/TB.TA ngày 15/11/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐHPT-HSST ngày 07/12/2017, Thông báo về việc mở lại phiên tòa sơ thẩm số 01/2018/TB.TA ngày 12/01/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T1, tên gọi khác: B, sinh năm: 1984 tại huyện B, tỉnh L; Nơi ĐKTT: ấp 1, xã M, huyện B tỉnh L. Chỗ ở: ấp 1, xã M, huyện B tỉnh L; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Nguyễn Văn B1 (đã chết) và bà Lưu Thị B2; bản thân có vợ tên Phan Thị Cẩm N, có con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại cho đến nay, có mặt.

Người bị hại: Anh Nguyễn Thành T2, sinh năm 1989.

ĐKTT: ấp 3, xã ấp 1, xã M, huyện B tỉnh L -đang thi hành án tại trại giam T(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Quang C, sinh năm 1973.

ĐKTT: ấp 5, xã M, huyện B tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/01/2016, Nguyễn Minh T1 đang dự tiệc tất niên tại nhà của anh Nguyễn Phương B, trong lúc hát nhạc sòng thì Nguyễn Thành T2 và Lê Quang C

đang cự cãi, xô xát với nhau, vì vậy Nguyễn Minh T1, Nguyễn Công M, và một số người khách dự tiệc đến can ngăn. Trong lúc can ngăn T1 dùng tay đánh vào mặt T2 01 cái, M dùng tay đánh vào mặt T2 02 cái, nên T2 bỏ đi ra phía trước nhà anh B khoảng 10m lấy 01 khúc cây gỗ vuông dài khoảng 50cm cầm trên tay chạy vào dùng cây đánh C, C dùng tay trái đưa lên đỡ nên bị gãy ngón tay út, C bỏ chạy cập theo vách tường tiệm sửa xe Thanh Tùng vào trong hẻm phía sau tiệm sửa xe hướng vào nhà của bà Nguyễn Thị Cà M, T2 vẫn cầm khúc gỗ đuổi theo để đánh C. Khi C chạy qua đầu hẻm khoảng 04m thì bị vấp ngã, T2 cầm cây chuẩn bị đánh C nhưng chưa kịp đánh, thấy vậy T1 đứng phía sau ngay đầu hẻm cách T2 khoảng 02 - 03m, tay phải cầm 01 ly thủy tinh cao 12cm, đường kính miệng 08cm, đường đáy kính 06cm (loại ly uống bia) ném trúng vào vùng mặt bên má trái của T2 làm ly thủy tinh bị bể và gây thương tích cho T2. Sau khi bị T1 ném ly thủy tinh trúng vào mặt gây thương tích, T2 cầm cây quay lại rượt đánh T1 thì được mọi người can ngăn, T2 ra lấy xe mô tô kêu bạn tên Tài (không rõ địa chỉ) chở đi về. Khoảng 30 phút sau T2 lấy 01 con dao một mình chạy xe mô tô quay trở lại nhà anh Bình dùng dao chém T1 gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 35%.

Tại giấy chứng nhận thương tích và Tờ điều trị của bệnh viện Nguyễn Tri Phương – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Nguyễn Thành T2 nhập viện lúc 23 giờ 30 phút ngày 28/01/2016 xác nhận tình trạng thương tích khi nhập viện: vết thương mặt (T) ~ 10cm.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 182/TgT.16-PY ngày 11/11/2016 của T2 tâm pháp y tỉnh Long An, xác định dấu hiệu chính giám định thương tích của Nguyễn Thành T2: 01 sẹo vết thương từ góc hàm trái đến trước vành tai trái (cách vành tai trái 02cm) kích thước 13cmx0.5cm. Sẹo lành, lồi nhẹ, ảnh hưởng thẩm mỹ, chức năng há miệng không hạn chế; ăn nhai bình thường.

Kết luận tỷ lệ thương tật của Nguyễn Thành T2 là 14%.

Đối với 01 cái ly thủy tinh cao 12cm, đường kính miệng 8cm, đường kính đáy 6cm, sau khi T1 ném trúng vào mặt T2 làm ly thủy tinh bị bể rơi tại hiện trường cách cửa sắt ra vào đầu hẻm phía sau tiệm sửa xe Thanh Tùng khoảng 03m, bà Nguyễn Thị Cà M đã thu gom đem bỏ, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm thấy.

Sau khi sự việc xảy ra bị hại Nguyễn Thành T2 yêu cầu Nguyễn Minh T1 bồi thường tiền thuốc, viện phí điều trị thương tích 10.000.000đồng, tiền công lao động trong những ngày điều trị thương tích 20.000.000đồng, bồi thường tổn thất tinh thần 20.000.000đồng và chi phí phẫu thuật thẩm mỹ xóa sẹo 50.000.000đồng, tổng cộng là 100.000.000đồng, T1 không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của T2.

Tại cáo trạng số 72/QĐ-KSĐT ngày 03-10-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Minh T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS; Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức để bồi thường cho anh T2, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có mẹ được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo là lao

động chính trong gia đình có con còn nhỏ đang đi học (có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo có nhân thân tốt, có việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa 14, về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015; Điều 33, Điều 45, Điều 60 BLHS năm 1999 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 từ 02 năm đến 2 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999, Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại Nguyễn Thành T2 về chi phí bồi thường tiền thuốc, viện phí điều trị thương tích, tiền công lao động, thiệt hại về mặt tinh thần. Đối với việc yêu cầu chi phí phẫu thuật thẩm mỹ xóa sẹo, anh T2 chưa thực hiện, nếu có phát sinh thì khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với hành vi của Nguyễn Thành T2 gây thương tích cho Lê Quang C. C có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý T2 về hình sự, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Thành T2 dùng dao chém vào người của T1 gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 35% đã được xét xử theo Bản án số 54/HSST/2017 ngày 29/8/2017 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh L nên không xét đến.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận, người bị hại không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo không nói gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo và bị hại phù hợp với lời khai của người làm chứng Lê Quang C, Huỳnh Minh H, Nguyễn Anh T3, phù hợp với lời khai của người liên quan Nguyễn Thị Cà M, phù hợp sơ đồ hiện trường và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 182 ngày 11/11/2016 của T2 tâm pháp y tỉnh L, Giấy chứng nhận thương tích và kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở để khẳng định: khoảng 20 giờ ngày 28/01/2016, trong lúc đang dự tiệc tại nhà anh Bình thì giữa T2 và C xảy ra xô xát nên T1 và anh Nguyễn Công M đến can ngăn, lúc can ngăn thì T1 có đánh vào mặt T2 01 cái, anh M đánh vào mặt T2 02 cái nên T2 bỏ đi ra ngoài lấy khúc gỗ vuông dài khoảng 50cm trở vào để đánh C, C thấy vậy bỏ chạy nên bị vấp té, T2 đuổi theo chuẩn bị đánh C nhưng chưa kịp đánh, lúc đó T1 đứng cách T2 khoảng 2-3m thấy vậy nên tay phải của T1 cầm ly thủy tinh cao 12cm, đường kính miệng 8cm, đường kính đáy 6cm ném

trúng vào vùng mặt bên trái của T2 làm ly thủy tinh bể gây thương tích cho T2 với tỷ lệ thương tật 14%. Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi dùng ly thủy tinh ném trúng vào mặt của bị hại T2 gây thương tích, bị hại cũng thừa nhận bị cáo ném ly trúng vào mặt và chỉ có 1 mình bị cáo gây thương tích cho mình.

Bị cáo T1 là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức sức khỏe là vốn quý nhất của con người và được pháp luật bảo vệ, bị cáo nhận thức việc dùng ly thủy tinh ném vào người khác có thể gây ra thương tích và vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện do đó hành vi của bị cáo thuộc lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS. Tuy tỷ lệ thương tật của T2 là 14% nhưng T1 sử dụng ly thủy tinh ném vào mặt T2 và làm vỡ ly, đây là hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS nên hành vi của bị cáo thuộc tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS và được hướng dẫn tại tiểu mục 2.2 mục 2 phần I Nghị quyết số 02 ngày 17/04/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện trước ngày 01/01/2018. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa 14, về việc thi hành BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, thì áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nay được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù. Do đó cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố và kết tội các bị cáo theo khoản 2 Điều 104 BLHS là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức để bồi thường thiệt hại cho T2, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có mẹ được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương), đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo do đó có đủ điều kiện áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999.

Đối với hành vi của Nguyễn Thành T2 dùng cây đánh Lê Quang C gây ngón tay út, nhưng C có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý T2 về hình sự, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không xem xét xử lý;

Đối với Nguyễn Thành T2 dùng dao chém vào người của T1 gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 35% đã được xét xử theo Bản án số 54/HSST/2017 ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L nên không xét đến.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Thành T2 yêu cầu T1 bồi thường tiền thuốc, viện phí điều trị thương tích 10.000.000đồng, tiền mất thu nhập là 10.000.000đồng, bị cáo T1 đồng ý bồi thường nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

Tại phiên tòa anh T2 yêu cầu bị cáo T1 phải bù đắp tiền tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật, bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh T2. Căn cứ theo quy định tại Điều 42 BLHS và khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu của anh T2 là có căn cứ chấp nhận. Mức bù đắp tổn thất tinh thần nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá 50 lần

mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (Nghị định số: 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở là 1.300.000đồng). Anh T2 bị thương tích với tỷ lệ 14%, không để lại di chứng gì, chỉ ảnh hưởng thẩm mỹ do đó, buộc bị cáo phải bù đắp tổn thất tinh thần cho anh T2 tương đương với 7 lần mức lương cơ sở với số tiền làm tròn là 10.000.000đồng.

Xét yêu cầu của anh T2 đòi bị cáo phải bồi thường tiền phẫu thuật thẩm mỹ với số tiền là 50.000.000đồng, nhưng anh T2 chưa thực hiện và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu này, đồng thời tại phiên tòa bị cáo không đồng ý bồi thường cho anh T2 khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh T2, nếu có phát sinh thì anh T2 được quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tổng cộng buộc bị cáo T1 phải bồi thường cho anh T2 số tiền là 30.000.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo T1 đã tạm nộp là 30.000.000đồng để bồi thường thiệt hại theo biên lai thu tiền số 06063 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: 01 cái ly thủy tinh cao 12cm, đường kính miệng 8cm, đường kính đáy 6cm bị cáo ném vào người T2, ly thủy tinh bị vỡ rơi tại hiện trường cách cửa sắt ra vào đầu hẻm phía sau tiệm sửa xe Thanh Tùng khoảng 03m, bà Nguyễn Thị Cà Mum đã thu gom đem bỏ, Cơ quan điều tra đã tổ chức đi tìm nhưng không thấy, nên không xét đến.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bị cáo T1 đã tự nguyện nộp đủ số tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa 14, về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 45, Điều 60 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Minh T1 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Minh T1 về cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

(đã giải quyết thích chế định án treo)

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Minh T1 có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Thành T2 số tiền 30.000.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo T1 đã tạm nộp là 30.000.000đồng để bồi thường thiệt hại theo biên lai thu tiền số 06063 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, bị cáo đã bồi thường xong, tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu 200.000 đồng(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh L
- Sở tư pháp tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan CSĐT huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B
- Chi cục THADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc